

HÌNH THÀNH CHUẨN MỰC HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM TỪ BỘ QUY TẮC THỰC HÀNH CỐT YẾU TRONG TPP

Nguyễn Thường Lạng*

Title: Establishing the standard on policy improving for Vietnam's banking system by the core good regulatory practices of trans pacific strategic economic partnership (TPP)

Từ khóa: Bộ Quy Tắc Thực Hành Cốt Yếu (CGRP), TPP, chuẩn mực, ngân hàng Việt Nam

Keywords: CGRP, TPP, standard, Vietnam's banking system

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 27/9/2016

Ngày nhận kết quả bình duyệt: 05/10/2016

Ngày chấp nhận đăng bài: 31/10/2016

Tác giả:

* PGS.TS., Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
nguyentlang2020@gmail.com

Tóm tắt

Là Hiệp định thương mại thế hệ mới, Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) được 12¹ quốc gia thành viên ký kết ngày 4/2/2016 và có hiệu lực thực hiện ngày 4/2/2018. Bên cạnh hệ thống cam kết quốc tế theo chiều sâu, phạm vi rộng, yêu cầu cao hơn so với các cam kết trong Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và tác động lâu dài đến thể chế, sự phát triển kinh tế của các nước thành viên, TPP còn có Bộ Quy Tắc Thực Hành Cốt Yếu (CGRP²) được coi là chuẩn mực phân tích, đánh giá, hoàn thiện và xây dựng mới chính sách của tất cả các lĩnh vực. Bài viết sử dụng CGRP làm công cụ tin cậy để đánh giá chính sách của hệ thống ngân hàng Việt Nam nhằm tạo cơ sở hoàn thiện chúng phù hợp với những tiêu chuẩn của TPP.

Abstract

Being a trading agreement of new generation, TPP has been signed by 12 member countries since the 4th February 2016 and came into effect from the 4th February 2018. Beside the set of international commitments with deeper degree, larger scale and higher requirements than that of World Trade Organization (WTO) and their long-term impacts on institution and the economic development of the member countries, it has The Core Good Regulatory Practices (CGRP) being considered as the standard to analyze, evaluate, improve and establish new policies in all sectors. The paper would utilize the CGRP as a reliable tool to evaluate Vietnam's policy on banking system to lay down the foundation for improving them in consistence with the standards of TPP.

1. Giới thiệu

Thực tế cho thấy, mỗi quốc gia đều có xu hướng đề cao đặc thù phát triển nhằm hưởng lợi lớn nhất từ cam kết. Điều này có nguy cơ làm chệch hướng, biến dạng, thậm chí phá vỡ cam kết quốc tế trong đó có lĩnh vực ngân hàng. Do đó, để giảm thiểu những khác biệt chính sách do khác biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, pháp luật, Bộ Quy tắc thực hành cốt yếu (gọi tắt là Bộ Quy tắc thực hành hay Bộ Quy tắc) được các nước thành viên thống nhất xây dựng và phê chuẩn.

Hệ thống ngân hàng được điều chỉnh bởi nhiều loại quy định cả quốc gia, khu vực và quốc tế trong đó có tiêu chuẩn Basel 1 và Basel 2. Tuy nhiên, quy định mang tính quy tắc thực hành chính sách tốt chưa được quan tâm thỏa đáng trong hệ thống cam kết quốc tế.

¹ Các thành viên TPP là Bru-nây, Ca-na-đa, Chi Lê, Hoa Kỳ, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô, Niu-di-lân, Nhật Bản, Pê-ru, Xinh-ga-po, Úc, Việt Nam.

² CGRP là từ viết tắt của Core Good Regulatory Practices được quy định trong Điều 25.5 của TPP.

Bộ Quy Tắc được đề cập trong Chương 25, Điều 25.5 của TPP và trên thực tế, TPP chưa có hiệu lực thực hiện đến 4/2/2018 cho nên chưa có các nghiên cứu ở Việt Nam. Hệ thống ngân hàng Việt Nam đang trong quá trình tái cơ cấu, chắc chắn sẽ có nhiều chính sách mới được ban hành cùng với việc điều chỉnh, hoàn thiện chính sách hiện có. Để giảm thiểu tình trạng chính sách xây dựng khác biệt với cam kết TPP cũng như với các quốc gia thành viên khác, việc chọn Bộ Quy tắc làm chuẩn mực đánh giá, điều chỉnh, sửa đổi, hoàn thiện và xây dựng mới chính sách trong hệ thống ngân hàng Việt Nam là cần thiết. Đây còn là cách thức hoàn thiện quy trình ban hành chính sách và góp phần hoàn thiện thể chế ở các nước thành viên.

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh trên cơ sở nguồn tư liệu thu thập từ TPP, Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nội dung Bộ Quy Tắc Thực Hành Cốt Yếu trong TPP

Điều 25.5 thuộc Chương 25 của TPP quy định về “tính chặt chẽ của chính sách” đề cập đến Bộ Quy tắc thực hành cốt yếu¹ áp dụng đối với tất cả các thành viên TPP gồm có 8 khía cạnh cơ bản. Về ý nghĩa thực tiễn, Bộ Quy tắc tạo nền tảng cơ bản bảo đảm tính thống nhất cao nhất quy tắc thực hành mà thực chất là quy trình ban hành chính sách, áp dụng biện pháp thống nhất giữa các quốc gia thành viên, giảm thiểu sai sót, tăng mức độ khả thi, loại bỏ tính thiếu thống nhất trong nhận thức hoặc tăng hiệu năng triển khai giữa các quốc gia. Điều này tăng tính đồng thuận cao nhất giữa các nhà hoạch định cũng như tăng tính tương đồng về nội dung chính sách của các

nước, hướng tới sự phối hợp hiệu quả giữa các quốc gia. Nói cách khác, tính độc lập hay mức độ biệt lập trong xây dựng chính sách của các quốc gia bị loại bỏ từng bước. Đây là bước tiến cao hơn so với các hiệp định thương mại tự do khác.

Nội dung 1: Để chính sách hoặc biện pháp ban hành đạt mục tiêu tối đa, quốc gia đề xuất cần yêu cầu cơ quan xây dựng, theo quy định pháp luật của nước đó, tiến hành đánh giá tác động chính sách nếu các chính sách vượt ra ngoài tác động kinh tế hoặc các tác động chính sách khác. Việc đánh giá tác động bao gồm quy trình thực hiện.

Nội dung 2: Do sự khác biệt về thể chế, xã hội, văn hóa, luật pháp và điều kiện phát triển làm cho việc đánh giá chính sách mang tính đặc thù quốc gia, cho nên việc đánh giá tác động chính sách cần làm rõ:

a. Tính cấp thiết của việc ban hành chính sách bao gồm luận giải bản chất và ý nghĩa của vấn đề;

b. Các phương án giải quyết khác nhau bao gồm tính khả thi và phù hợp với quy định pháp luật, chi phí và lợi ích từng phương án, rủi ro và tác động liên đới kể cả trong trường hợp có những chi phí và lợi ích khó lượng hóa và quy đổi ra tiền;

c. Căn cứ lựa chọn giải pháp để đạt mục tiêu đặt ra một cách hiệu quả, nếu có thể, tính toán chi phí, lợi ích và năng lực quản lý rủi ro;

d. Nguồn thông tin sử dụng phù hợp nhất bao gồm thông tin từ góc độ khoa học, kỹ thuật, kinh tế hoặc góc độ khác trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm và nguồn lực của cơ quan hoạch định.

Nội dung 3: Khi đánh giá tác động chính sách, cần tính đến các tác động có thể đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nội dung 4: Bảo đảm chính sách ban hành được trình bày theo hình thức văn bản, rõ ràng, chính xác, chặt chẽ và dễ hiểu bởi vì có những khía cạnh kỹ thuật đòi hỏi trình độ chuyên môn phù hợp mới có thể hiểu và áp dụng.

¹ Mặc dù có bản dịch không chính thức của Bộ Công Thương nhưng để phù hợp với bài viết, nội dung sử dụng không trình bày dưới dạng quy định pháp lý của một Hiệp định quốc tế.

Nội dung 5: Trong phạm vi pháp luật quy định từng quốc gia, cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách cần cho phép công chúng tiếp cận với chính sách mới ban hành, đối với những nơi có điều kiện, cần cung cấp trực tuyến thông tin chính sách.

Nội dung 6: Cần tiến hành rà soát trong từng giai đoạn phù hợp, theo quy định pháp luật, các chính sách đã được áp dụng để chỉ ra các khía cạnh cần sửa đổi, điều chỉnh, mở rộng hoặc bãi bỏ để tăng hiệu quả của chính sách nhằm đạt mục tiêu đặt ra.

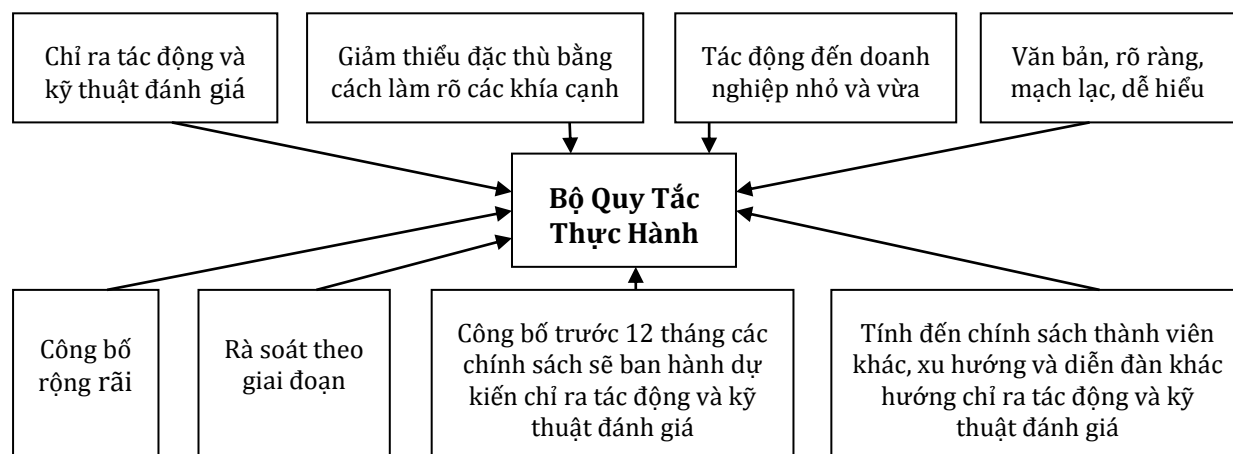
Nội dung 7: Theo quy định pháp luật, mỗi quốc gia hàng năm cần công bố danh mục chính sách được cơ quan có thẩm quyền dự kiến ban hành trong giai đoạn 12 tháng tiếp theo.

Nội dung 8: Mỗi quốc gia thành viên, cần khuyến khích cơ quan có thẩm quyền, khi soạn thảo quy định pháp luật, tính đến các biện pháp chính sách của các thành viên khác cũng như xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới và các diễn đàn khác trong phạm vi thích hợp và phù hợp với quy định pháp luật trong nước.

Để thực hiện Bộ Quy tắc này, TPP còn quy định việc thành lập Ủy ban giám sát tính chất chế của chính sách gồm đại diện của chính phủ các nước thành viên.

Bộ Quy tắc của TPP, nếu được tuân thủ nghiêm túc, có thể thấy, tính chất tùy tiện hay việc ban hành các chính sách thiếu cân nhắc kỹ lưỡng của các nước thành viên hầu như bị loại trừ, hiệu quả và hiệu năng của chính sách đạt được cao nhất và không gây ra những khác biệt quá lớn đối với chính sách của các quốc gia thành viên. Điều này giảm thiểu chi phí điều chỉnh, tăng cường tính minh bạch và khả năng giám sát lẫn nhau trong ban hành chính sách. Một chính sách được ban hành tuân theo đúng Bộ Quy tắc này chắc chắn sẽ là một chính sách tốt.

Từ 8 nội dung trên của Bộ Quy tắc có thể hiểu đó là những chuẩn mực để đánh giá chính sách được một quốc gia ban hành. Các chuẩn mực đó có thể diễn đạt thành 8 tiêu chuẩn đánh giá mức độ phù hợp của chính sách giữa các thành viên TPP. (Hình 1)



Hình 1: Bộ Quy Tắc Thực Hành Cốt Yếu của TPP

Theo cách tiếp cận của Bộ Quy tắc, cơ chế thí điểm thực hiện chính sách mới ban hành mà Việt Nam hay áp dụng hầu như không được thực hiện. Nói cách khác, việc thí điểm thực hiện chính sách mới ban hành có thể mang tính đặc thù Việt Nam và không phù hợp với Bộ Quy tắc. Trong khu vực ASEAN, Xinh-ga-po

có hệ thống ngân hàng phát triển cao và đây là một trong 8 trung tâm tài chính thế giới. Việc ban hành các chính sách, quy định trong hệ thống ngân hàng đều bảo đảm những yêu cầu có tính hệ thống và khách quan của nó hay gần như đáp ứng các yêu cầu của Bộ Quy Tắc.

2.2. Chính sách của Hệ thống ngân hàng Việt Nam nhìn từ góc độ TPP

Cùng với công cuộc đổi mới kinh tế (1986), hệ thống ngân hàng của Việt Nam được hình thành bao gồm Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng. Việc hình thành cơ cấu mới của hệ thống ngân hàng là bước phát triển đột phá trong tổ chức hệ thống ngân hàng Việt Nam phù hợp với xu hướng thế giới.

Tương ứng với cơ cấu này của hệ thống ngân hàng Việt Nam, hai đạo luật quan trọng được xây dựng sau khi chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật các tổ chức tín dụng. Cả hai văn bản pháp luật quan trọng này có giá trị pháp lý cao nhất trong ngành được ban hành và sửa đổi, bổ sung một số lần tạo thành khuôn khổ pháp lý điều chỉnh các hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Bên cạnh đó, hàng loạt các văn bản, quy định điều chỉnh các hoạt động của lĩnh vực ngân hàng được ban hành nhưng giá trị pháp lý thấp hơn hai loại quy định trên thực chất là các loại văn bản hướng dẫn thi hành hai văn bản có giá trị pháp lý cao nhất nêu trên.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được điều chỉnh theo quy định của Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Điều 2), là cơ quan ngang Bộ của Chính phủ, là Ngân hàng trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là pháp nhân, có vốn pháp định thuộc sở hữu nhà nước; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ. Ngân hàng Nhà nước có 27 nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật quy định và có đặc trưng của một doanh nghiệp nhà nước theo Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Các tổ chức tín dụng của Việt Nam, được điều chỉnh theo Luật các tổ chức tín dụng (Điều 6) có tính đa dạng rất lớn, bao gồm: 1. Ngân hàng thương mại trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần; 2. Ngân hàng thương mại nhà nước được thành

lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ; 3. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; 4. Tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn; 5. Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được thành lập, tổ chức dưới hình thức hợp tác xã; 6. Tổ chức tài chính vi mô được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.

Trong tiến trình hội nhập quốc tế, hoạt động ngân hàng là dịch vụ mang bản chất thương mại và chịu sự điều chỉnh của nguyên tắc tự do, minh bạch và công bằng. Chính sách áp dụng đối với lĩnh vực ngân hàng được điều chỉnh theo hướng khuyến khích phát triển và mở cửa dịch vụ ngân hàng. Việc mở cửa dịch vụ ngân hàng Việt Nam gắn với các cam kết trong Hiệp định thương mại song phương Việt - Mỹ, các cam kết của Việt Nam trong WTO, Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu, TPP và các hiệp định thương mại tự do khác. Các cam kết của Việt Nam trong lĩnh vực ngân hàng tiếp cận dần với thông lệ quốc tế.

Có thể đánh giá các chính sách của Việt Nam trong lĩnh vực ngân hàng từ góc độ Bộ Quy Tắc trong TPP có những thành công và hạn chế nhất định.

Về thành công, các chính sách nhằm điều chỉnh lĩnh vực ngân hàng bằng pháp luật và hệ thống ngân hàng phục vụ mục tiêu phát triển quốc gia. Điều này bảo đảm sự vận hành của hệ thống ngân hàng phù hợp với thông lệ quốc tế. Việc xây dựng chính sách quản lý lĩnh vực ngân hàng đặc biệt là hai đạo luật chuyên ngành đã tham khảo kinh nghiệm quốc tế. Những hạn chế chủ yếu thể hiện chưa chú ý đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thiếu đánh giá định lượng tác động đến nền kinh tế cũng như chưa tính toán cụ thể chi phí và lợi ích của chính sách. Nhiều loại rủi ro xuất hiện trong thực hiện chưa được dự kiến trước như tình trạng “chơi hụi” trong khủng hoảng tài chính-tiền tệ châu Á cuối những năm 1990 và “tín

dụng đèn” trong khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu 2008... Đây là khía cạnh đòi hỏi đánh giá cụ thể và toàn diện hơn hiệu lực và hiệu năng của chính sách. Bảng 1 đưa ra các đánh giá chính sách trong hệ thống ngân hàng Việt Nam từ Bộ Quy tắc. Ở đây, có hai đạo luật được chọn để đánh giá và chúng có thể xem là hai chính sách lớn nhất và có tính bao quát cao nhất hệ thống ngân hàng Việt Nam. Các chính sách, công cụ, biện pháp cụ thể khác cũng có thể tiến hành tương tự. Việc đánh giá có thể dựa vào ý kiến chuyên gia, ý kiến của các ngân hàng, doanh nghiệp, công chúng hoặc nhà đầu tư. Điểm chú ý là các đánh giá này mới thực hiện bước đầu và mang tính khái quát. Nếu đánh giá chi tiết, trong mỗi nội dung lại có những khía cạnh cụ thể hơn cần được xem xét. Chẳng hạn, với nội dung 2, cả hai chính sách này đều đáp ứng được vì khi ban hành chúng, cơ quan ban hành xây dựng đề án, luận giải đầy đủ tính tất yếu ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cũng như chi phí và lợi ích của việc ban hành. Chính vì thế, ở nội dung 2, cả hai chính sách này đều đáp ứng tiêu chuẩn TPP mặc dù mức độ đáp ứng có thể còn khác nhau hay vẫn còn chênh lệch nhất định giữa thực tế và kết quả đánh giá. Do đó, tiêu chuẩn đánh giá cần được chi tiết hơn và đối tượng đánh giá cũng cần đa dạng, số lượng ý kiến cũng phải đạt đến mức độ nhất định.

Bảng 1: Đánh giá sự phù hợp chính sách của Hệ thống Ngân hàng Việt Nam với Bộ Quy tắc

Chỉ tiêu đánh giá	Luật Ngân hàng Nhà nước		Luật các tổ chức tín dụng	
	Đáp ứng TPP	Chưa đáp ứng TPP	Đáp ứng TPP	Chưa đáp ứng TPP
Nội dung 1		X		X
Nội dung 2	X		X	
Nội dung 3		X		X
Nội dung 4		X		X
Nội dung 5	X		X	
Nội dung 6		X		X
Nội dung 7	X		X	
Nội dung 8		X		X

Nguồn: Tác giả

Từ kết quả bảng 1 có thể đi sâu tìm hiểu nguyên nhân khách quan và chủ quan của những điểm đáp ứng và chưa đáp ứng Bộ Quy tắc. Về khách quan, quá trình hội nhập của Việt Nam chậm hơn so với các quốc gia khác cho nên việc tiếp cận với các nguyên tắc và thông lệ quốc tế bị tụt hậu. Khoa học về xây dựng chính sách của Việt Nam trong hội nhập chưa phát triển tương xứng với nhu cầu. Về chủ quan, tính chủ động, tích cực hội nhập chưa cao cho nên chưa tận dụng hết cơ hội, đầu tư thiếu tập trung và chưa đào tạo nguồn nhân lực phù hợp. Nhiều chính sách đưa ra chưa thật khả thi² do chưa có Bộ Quy tắc làm căn cứ hành động.

2.3. Một số đề xuất áp dụng Bộ Quy tắc trong TPP như là chuẩn mực hoàn thiện chính sách của hệ thống ngân hàng Việt Nam

Bộ quy tắc thực hành có tác dụng quan trọng trong việc đưa ra chuẩn mực phân tích, xây dựng, đánh giá, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chính sách của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Sự hoàn thiện chính sách tạo điều kiện phát huy vị trí, vai trò đặc biệt của lĩnh vực ngân hàng đối với sự phát triển kinh tế. Hệ thống ngân hàng Việt Nam vượt qua được giai đoạn khó khăn nhất do tác động của khủng hoảng trực tiếp là tình trạng nợ xấu và những hạn chế về năng lực cạnh tranh trong so sánh với ngân hàng nước ngoài trong hội nhập³. Do đó, cần thống nhất về nhận thức TPP là một hệ thống tiêu chuẩn có mức độ hoàn thiện khá cao của một nền kinh tế thị trường phát triển cao cho nên việc thông qua nó bởi các thành viên là chắc chắn.

Để áp dụng Bộ Quy tắc trong TPP có hiệu quả, cần chú ý đến các đề xuất sau đây:

² Chính sách đổi tiền của Việt Nam năm 1978 và 1985 không phù hợp, gây ra tình trạng thiếu ổn định kinh tế vĩ mô. Chính sách này thực hiện chưa có sự đánh giá tác động đầy đủ và toàn diện cho nên thiếu biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả.

³ Theo quy định của WTO, có 4 phương thức cung ứng dịch vụ ngân hàng là cung cấp xuyên biên giới, tiêu dùng ngoài lãnh thổ, hiện diện thương mại và hiện diện thể nhân trong đó phương thức hiện diện thương mại được thể hiện rõ nhất ở Việt Nam.

2.3.1. Sử dụng Bộ Quy tắc để rà soát tất cả các chính sách của hệ thống ngân hàng, chỉ ra được những chính sách còn thiếu, chính sách cần hoàn thiện và chính sách cần điều chỉnh. Bộ Quy tắc chỉ ra được một chính sách được ban hành là tốt hay chưa tốt, thậm chí là chính sách kém. Đồng thời, Bộ Quy tắc còn cho thấy các đánh giá tác động của các chính sách là cần thiết và có thể xem như là điều kiện tiên quyết phải thực hiện để dự báo tác động có thể xảy ra cả tích cực và tiêu cực. Cho nên, cần coi trọng các công trình nghiên cứu, đánh giá tác động của các chính sách đến các mối quan hệ trong nền kinh tế mà trước hết là trong hệ thống ngân hàng. Chẳng hạn, chính sách điều chỉnh tỷ giá hối đoái khi có những tác động bất lợi và khó lường từ nền kinh tế thế giới cần chú ý lớn nhất đến các đánh giá tác động kể cả việc sử dụng các công cụ toán học, mô hình kinh tế lượng hoặc các mô hình phân tích khác để làm rõ các tác động này. Vì thế, các kết quả nghiên cứu về mô hình lý thuyết và thực tế cần được tổng kết, áp dụng để đánh giá chính xác nhất các tác động cũng như chú ý đến cơ chế quản lý rủi ro đối với các chính sách được ban hành.

2.3.2. Mạnh dạn áp dụng Bộ Quy tắc để hình thành quy trình mới trong xây dựng, điều chỉnh, ban hành, sửa đổi, bổ sung, đánh giá chính sách trong lĩnh vực ngân hàng. Đây là một lĩnh vực rất nhạy cảm và có mối quan hệ với hầu hết các lĩnh vực khác như công nghiệp, nông nghiệp, đầu tư, thương mại,... cho nên việc nghiên cứu, áp dụng hiệu quả Bộ Quy tắc này là cần thiết đối với lĩnh vực ngân hàng. Việt Nam đang trong quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng sau khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu cho nên Bộ Quy tắc này cần được sử dụng như một công cụ tạo cách tiếp cận mới đối với quá trình tái cấu trúc hệ thống. Do đó, hệ thống ngân hàng Việt Nam, không nhất thiết phải chờ đến khi TPP được thông qua đầy đủ trong 12 quốc gia thành viên mới áp dụng Bộ Quy tắc. Điều này góp phần

tăng hiệu quả và hiệu năng của chính sách, tăng tính khả thi cũng như phát huy tính chủ động, tích cực trong xây dựng và hoàn thiện chính sách hội nhập của lĩnh vực ngân hàng.

Chẳng hạn, Điều 6 của Luật Ngân hàng Nhà nước quy định: “Hoạt động ngân hàng là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số nghiệp vụ: a) Nhận tiền gửi; b) Cấp tín dụng; c) Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản”. Cách xem xét này coi hoạt động ngân hàng chủ yếu là thực hiện nghiệp vụ mà chưa quan niệm đầy đủ đây là hệ thống dịch vụ mang bản chất thương mại, thu lợi nhuận và vận hành theo các nguyên tắc thị trường. Cho nên quan niệm này không phù hợp với xu hướng chung của khu vực và thế giới trái với Nội dung 8 của Bộ Quy tắc là chính sách phải phù hợp với xu hướng khu vực và thế giới. Việc điều chỉnh quy định này phù hợp với xu hướng chung, tăng tính khả thi, không nhất thiết phải chờ đến khi TPP có hiệu lực đầy đủ mới thực hiện.

2.3.3. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về chính sách trong lĩnh vực ngân hàng cả chính sách trong nước và chính sách của các nước trên thế giới trước hết là của các quốc gia thành viên TPP để có cơ sở so sánh, đối chiếu chính sách giữa các nước thành viên, phát hiện những sự khác biệt. Điều này không chỉ phục vụ hoàn thiện chính sách mà còn căn cứ để tham chiếu, học hỏi kinh nghiệm kể cả cách ứng xử giữa các quốc gia. Do đó, Ngân hàng Nhà nước cần thành lập hệ thống thông tin về các chính sách này và điều này phù hợp với nội dung 5 được hiểu theo nghĩa rộng. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu này có thể học tập kinh nghiệm của các nước và cần tiến hành luận giải rõ tính cấp thiết cũng như ý nghĩa của nó như yêu cầu của nội dung 2 của Bộ Quy tắc. Các loại rủi ro và tác động của cơ sở dữ liệu đến doanh nghiệp nhỏ và vừa này cũng cần được xem xét. Việt Nam có 95% doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa cho nên việc tuân thủ Bộ Quy tắc sẽ bảo vệ quyền lợi loại doanh nghiệp này.

2.3.4. *Bồi dưỡng và phát triển năng lực của nguồn nhân lực đặc biệt nguồn nhân lực chuyên gia, hoạch định chính sách trong lĩnh vực ngân hàng theo những chuẩn mực mới đặc biệt là theo Bộ Quy tắc thực hành của TPP.* Điều này đòi hỏi quá trình đào tạo lại kết hợp với đào tạo mới đội ngũ hoạch định để hình thành tư duy mới, triết lý, thói quen mới trong công tác xây dựng, ban hành, đánh giá, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chính sách theo đúng mục tiêu đặt ra. Chất lượng của đội ngũ chịu trách nhiệm về chính sách quyết định trực tiếp chất lượng chính sách hoạch định. Chú trọng đào tạo chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực ngân hàng có khả năng thực hiện các nhiệm vụ quan trọng và sứ mệnh mới trong hội nhập gắn với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

2.3.5. *Khẩn trương thông qua hiệp định TPP để tạo cơ sở pháp lý thực sự trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực ngân hàng.* Quá trình này tạo áp lực lớn để đẩy nhanh việc hoàn thiện chính sách có tính chuyên ngành và chuyên nghiệp cao cũng như có khả năng liên thông lớn giữa Việt Nam với các nước trong đó có các nước thành viên TPP.

3. Kết luận

Bộ Quy tắc Thực Hành Cốt Yếu trong TPP là một hệ thống các tiêu chuẩn mới có tính đồng bộ, phù hợp với bản chất của hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đang làm hình thành chuẩn mực mới điều chỉnh trực tiếp việc hoàn thiện chính sách của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong hội nhập quốc tế chủ động, tích cực. Có thể và cần phải chủ động đưa Bộ Quy Tắc này thành cẩm nang chính sách áp dụng đối với chính sách lĩnh vực ngân hàng Việt Nam nói riêng và chính sách đối với các lĩnh vực khác nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công Thương Việt Nam, *Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)*, Điều 25.5. Truy cập ngày 1 tháng 11 năm 2016, từ <http://tpp.moit.gov.vn/default.aspx?page=tp p&parent=Chapter Texts&dir=App_File\TPP\en\Chapter Texts>, <25. Regulatory Coherence.pdf>.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội XII*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
3. Luật các tổ chức tín dụng 2010, Điều 6.
4. Luật Doanh nghiệp 2014.
5. Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam 1997, 2003, 2010, Điều 2.
6. Thủ tướng Chính phủ (2006), *Quyết định số 112/2006/QĐ-TTg ngày 24/5/2006 phê duyệt Đề án phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*.